**BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG** (1)

\_\_\_\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*[ghi tên Chủ đầu tư ]*

 (sau đây gọi là Chủ đầu tư )

*[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]*

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, \_\_\_\_ *[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu]* (sau đây gọi là Nhà thầu) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm Nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng \_\_\_\_ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_ *[ghi tên của ngân hàng]* ở \_\_\_\_ *[ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ]* có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_ *[ghi địa chỉ của ngân hàng*(2)*]* (sau đây gọi là “Ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu Nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá \_\_\_\_ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 36 ĐKCT].*

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan đến hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

 Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định tại Mục 36 ĐKCT của Hợp đồng sau khi Nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày\_\_\_\_ tháng\_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (3) hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

 **Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

 *[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 36.1 ĐKCT.

(2) Địa chỉ ngân hàng: Ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày quy định tại Mục 36 **ĐKCT**.

**PHỤ LỤC – VÍ DỤ**

BẢNG CHI TIẾT GIÁ DỰ THẦU

*Bảng số 01: Hạng mục 1- Hạng mục chung*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Công việc số** | **Mô tả công việc mời thầu(1)** | **Đơn vị tính(2)** | **Khối lượng mời thầu(3)** | **Đơn giá dự thầu(4)** | **Thành tiền(5)** |
| *1* | *Bảo lãnh thực hiện hợp đồng* | *Khoản* | *1* |  |  |
| *2* | *Bảo hiểm Công trình đối với phần thuộc trách nhiệm của nhà thầu* | *Khoản* | *1* |  |  |
| *3* | *Bảo hiểm thiết bị của nhà thầu* | *Khoản* | *1* |  |  |
| *4* | *Bảo hiểm trách nhiệm bên thứ ba* | *Khoản* | *1* |  |  |
| *5* | *Chi phí bảo trì Công trình* | *Tháng* | *12* |  |  |
| *…* | *…..* |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng bảng số 01**(Kết chuyển sang cột “số tiền” của hạng mục tương ứng trong Bảng tổng hợp giá dự thầu, trang số ….) |  |

 **Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1), (2), (3) Bên mời thầu ghi các công việc cụ thể của từng hạng mục tương ứng trong Bảng tổng hợp giá dự thầu cùng với đơn vị tính và khối lượng mời thầu trên cơ sở phù hợp với mô tả công việc, bản vẽ và chi tiết kỹ thuật trong Chương IV – Yêu cầu về xây lắp để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu cho từng hạng mục. Mỗi công việc sẽ được mô tả chi tiết để hướng dẫn rõ ràng cho nhà thầu, bao gồm: loại công việc, phạm vi công việc, mức độ phức tạp, tiêu chuẩn yêu cầu.

(4), (5) Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu, thành tiền cho từng công việc tương ứng trong cột “Mô tả công việc mời thầu”. Nhà thầu phải ghi giá trọn gói (thành tiền) cho từng công việc cụ thể. Tổng giá của tất cả các công việc thuộc hạng mục sẽ là giá dự thầu cho hạng mục đó.

*Bảng số 02: Hạng mục 2 - Công tác đất*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Công việc số** | **Mô tả công việc mời thầu(1)** | **Đơn vị tính(2)** | **Khối lượng mời thầu(3)** | **Đơn giá dự thầu(4)** | **Thành tiền(5)** |
| *1* | *Đào đất hữu cơ* | *m3* | *13.500* |  |  |
| *2* | *Đào đất cấp III* | *m3* | *3.450* |  |  |
| *3* | *Đào đất cấp IV* | *m3* | *209.985* |  |  |
| *4* | *Đào đá cấp III* | *m3* | *182.376* |  |  |
| *5* | *Đào đá cấp IV* | *m3* | *179.736* |  |  |
| *6* | *Đắp đất đầm K = 0,95* | *m3* | *50.102* |  |  |
| *7* | *Trồng cỏ* | *m2* | *1.650* |  |  |
| *8* | *Vận chuyển đất đá thừa đổ đi* | *m3* | *401.820* |  |  |
| *9* | *Phát cây, dãy có, chặt cây* | *Khoản* | *1* |  |  |
| *….* |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng bảng số 02**(Kết chuyển sang cột “số tiền” của hạng mục tương ứng trong Bảng tổng hợp giá dự thầu, trang số ….) |  |

 **Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1), (2), (3) Bên mời thầu ghi các công việc cụ thể của từng hạng mục tương ứng trong Bảng tổng hợp giá dự thầu cùng với đơn vị tính và khối lượng mời thầu trên cơ sở phù hợp với mô tả công việc, bản vẽ và chi tiết kỹ thuật trong Chương IV – Yêu cầu về xây lắp để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu cho từng hạng mục. Mỗi công việc sẽ được mô tả chi tiết để hướng dẫn rõ ràng cho nhà thầu, bao gồm: loại công việc, phạm vi công việc, mức độ phức tạp, tiêu chuẩn yêu cầu.

###  (4), (5) Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu, thành tiền cho từng công việc tương ứng trong cột “Mô tả công việc mời thầu”. Nhà thầu phải ghi giá trọn gói (thành tiền) cho từng công việc cụ thể. Tổng giá của tất cả các công việc thuộc hạng mục sẽ là giá dự thầu cho hạng mục đó.